

DANH MỤC
HÀNH VI VI PHẠM, LỖI ÁP DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU,
QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2018/TT-BTC ngày....tháng.....năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Nhóm hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, sản xuất, buôn bán hàng cấm:

1. Hành vi vi phạm quy định tại Điều 188, Điều 189, Điều 190 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại Bộ Luật hình sự năm 2017.
2. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hải quan: Chứa chấp, mua bán, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không có chứng từ hợp pháp trong địa bàn hoạt động hải quan; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới mà không phải là tội phạm, quy định tại điểm a, b khoản 2, khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan (sau đây viết tắt là Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ);
3. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Tự ý tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan; tiêu thụ hàng hóa được giao bảo quản chờ hoàn thành việc thông quan theo quy định mà hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hoặc không đủ điều kiện để xuất khẩu, nhập khẩu hoặc thuộc trường hợp phải có giấy phép mà không có giấy phép khi xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
4. Hành vi vi phạm quy định về giám hải quan: Tự ý tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan; tiêu thụ hàng hóa được giao bảo quản chờ hoàn thành việc thông quan theo quy định mà hàng hóa là hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất thuộc diện phải có giấy phép mà không có giấy phép; hàng hoá thuộc danh mục cấm kinh doanh tạm nhập - tái xuất, tạm ngừng kinh doanh tạm nhập - tái xuất quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa

đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

5. Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sau đây viết tắt là Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ), được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sau đây viết tắt là Nghị định số 124/2015/NĐ-CP của Chính phủ), cụ thể:
 - i. Hành vi buôn bán hàng giả không có giá trị sử dụng, công dụng quy định tại điểm g khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
 - ii. Hành vi buôn bán hàng giả không có giá trị sử dụng, công dụng: Hành vi nhập khẩu hàng giả hoặc hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh cho người mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
 - iii. Hành vi buôn bán hàng giả không có giá trị sử dụng, công dụng: Hành vi nhập khẩu hàng giả hoặc hàng giả là thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
 - iv. Hành vi buôn bán hàng giả không có giá trị sử dụng, công dụng: Hành vi nhập khẩu hàng giả hoặc hàng giả là phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, chất bảo quản thực phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, diệt côn trùng, trang thiết bị y tế, xi măng, sắt thép xây dựng, mũ bảo hiểm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
 - v. Hành vi buôn bán hàng giả mạo nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
 - vi. Hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 124/2015/NĐ-CP của Chính phủ;
 - vii. Hành vi vi phạm về buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, giao nhận hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu quy định tại điểm g, h khoản 1, khoản 2, điểm a, c khoản 3 Điều 25 Nghị định 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa

đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 124/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

- viii. Hành vi vi phạm về kinh doanh nguyên liệu thuốc lá nhập lậu quy định tại điểm h, i, k khoản 1, khoản 2, điểm a, c khoản 3 Điều 26 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 124/2015/NĐ-CP của Chính phủ;
- ix. Hành vi vi phạm về nhập khẩu thuốc lá, giấy cuộn điếu thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá: Hành vi nhập khẩu giấy cuộn điếu thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá khi không có giấy phép nhập khẩu theo quy định, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- x. Hành vi vi phạm về nhập khẩu rượu không qua các cửa khẩu quốc tế: Hành vi nhập khẩu rượu không qua các cửa khẩu quốc tế theo quy định, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 41 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xi. Hành vi vi phạm về dán tem nhập khẩu đối với sản phẩm rượu nhập khẩu quy định tại Điều 42 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xii. Hành vi vi phạm về hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu quy định tại Điều 55 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xiii. Hành vi vi phạm về hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu: Hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu mà không được phép bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 56 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xiv. Hành vi vi phạm về hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa: Hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định phải có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu nhưng không có hạn ngạch, giấy phép xuất khẩu, giấy phép nhập khẩu hàng hóa quy định tại điểm d, đ khoản 3 Điều 57 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xv. Hành vi vi phạm về ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa: Hành vi ủy thác hoặc nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hạn ngạch hoặc theo giấy phép xuất khẩu hàng hóa, giấy phép nhập khẩu hàng hóa mà bên ủy thác hoặc bên nhận ủy thác không có hạn ngạch hoặc giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định quy định tại khoản 2 Điều 58, Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xvi. Hành vi vi phạm về ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa: Hành vi ủy thác hoặc nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu quy định tại khoản 3 Điều 58 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ

- xvii. Hành vi vi phạm về ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa: Hành vi ủy thác hoặc nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu quy định tại khoản 4 Điều 58 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính;
- xviii. Hành vi vi phạm về tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập hàng hóa: Hành vi kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập những mặt hàng quy định phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không có giấy phép theo quy định. vi phạm về tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập hàng hóa quy định tại khoản 4 Điều 59 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xix. Hành vi vi phạm về tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập hàng hóa: Hành vi kinh doanh tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh tạm nhập tái xuất và tạm ngừng kinh doanh tạm nhập tái xuất quy định tại khoản 5 Điều 59 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xx. Hành vi vi phạm về chuyển khẩu hàng hóa: Hành vi chuyển khẩu hàng hóa theo quy định phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không có giấy phép vi phạm về chuyển khẩu hàng hóa quy định tại khoản 4 Điều 60 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xxi. Hành vi vi phạm về chuyển khẩu hàng hóa: Hành vi kinh doanh chuyển khẩu loại hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu quy định tại khoản 5 Điều 60 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xxii. Hành vi vi phạm về chuyển khẩu hàng hóa: Hành vi kinh doanh chuyển khẩu loại hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh chuyển khẩu quy định tại khoản 6 Điều 60 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ;
- xxiii. Hành vi vi phạm về quá cảnh hàng hóa: Hành vi quá cảnh loại hàng hóa theo quy định phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không có giấy phép quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính;

II. Nhóm hành vi trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại:

1. Hành vi vi phạm quy định tại Điều 200 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung tại Bộ Luật hình sự năm 2017;
2. Hành vi vi phạm quy định tại Điều 13 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

3. Hành vi vi phạm quy định tại Điều 11 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.
4. Các hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế và các hành vi vi phạm hành chính được quy định tại các Nghị định quy định xử phạt trong các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan với số tiền xử phạt trên 50 triệu đồng, không thuộc các trường hợp nêu tại các Mục I nêu trên.

III. Nhóm hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra:

1. Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra thuế: Không bố trí người, phương tiện phục vụ việc kiểm tra thực tế hàng hoá, phương tiện vận tải khi cơ quan hải quan yêu cầu mà không có lý do xác đáng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
2. Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra thuế: Không xuất trình hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, hàng hoá còn đang lưu giữ là đối tượng kiểm tra sau thông quan để cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật hải quan quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính;
3. Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra thuế: Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính;
4. Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra thuế: Không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan Hải quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
5. Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra thuế: Đánh tráo hàng hoá đã kiểm tra hải quan với hàng hoá chưa kiểm tra hải quan quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
6. Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra hải quan, thanh tra: Hành vi sử dụng niêm phong hải quan giả mạo; sử dụng chứng từ, tài liệu giả mạo, không hợp pháp, không đúng với thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

đề khai, nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan mà không phải là tội phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

7. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Hành vi vận chuyển hàng hoá quá cảnh, chuyên cảng, chuyên khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập – tái xuất không đúng tuyến đường, lộ trình, địa điểm, cửa khẩu, thời gian quy định hoặc đăng ký trong hồ sơ hải quan mà không có lý do xác đáng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
8. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Hành vi tự ý phá niêm phong hải quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
9. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Hành vi tự ý thay đổi bao bì, nhãn hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
10. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Hành vi không bảo quản nguyên trạng hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan hoặc hàng hoá được giao bảo quản theo quy định của pháp luật chờ hoàn thành việc thông quan quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
11. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Hành vi lưu giữ hàng hóa không đúng địa điểm quy định hoặc địa điểm đã đăng ký với cơ quan hải quan quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
12. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Hành vi đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đến cơ sở khác gia công lại mà không thông báo cho cơ quan hải quan quy định tại điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
13. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Hành vi tự ý tiêu thụ hàng hoá đang chịu sự giám sát hải quan quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

14. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Hành vi tiêu thụ phương tiện vận tải đăng ký lưu hành tại nước ngoài tạm nhập cảnh vào Việt Nam quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
15. Hành vi vi phạm quy định về giám sát hải quan: Hành vi tiêu thụ hàng hoá được giao bảo quản chờ hoàn thành việc thông quan theo quy định quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
16. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hải quan: Hành vi không chấp hành hiệu lệnh dừng, khám xét phương tiện vận tải theo quy định quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
17. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hải quan: Hành vi không cung cấp sơ đồ hầm hàng, chỉ dẫn, mở nơi nghi vấn cất giữ hàng hóa trên phương tiện vận tải để thực hiện quyết định khám hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
18. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hải quan: Hành vi bốc dỡ hàng hoá không đúng cảng đích ghi trong bản lược khai hàng hoá, vận tải đơn mà không có lý do xác đáng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
19. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hải quan: Hành vi xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan mà không có sự đồng ý của cơ quan hải quan quy định tại điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ;
20. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hải quan: Hành vi tẩu tán, tiêu huỷ hoặc vứt bỏ hàng hoá để trốn tránh sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát Hải quan quy định tại điểm d khoản 5 Điều 12 Nghị định số 127/2013/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 45/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

IV. Nhóm hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền vượt thẩm quyền của công chức.

Các hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế và các hành vi vi phạm hành chính được quy định tại các Nghị

định quy định xử phạt trong các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan với số tiền xử phạt trên 5 triệu đồng không thuộc các trường hợp nêu tại các Mục I, Mục II, Mục III nêu trên.

V. Nhóm hành vi vi phạm bị xử phạt với số tiền thuộc thẩm quyền của công chức và các hành vi vi phạm về thời hạn làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế và quy định về khai hải quan.

Các hành vi vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan, xử phạt về thuế và các hành vi vi phạm hành chính được quy định tại các Nghị định quy định xử phạt trong các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền xử phạt của cơ quan hải quan không thuộc các trường hợp nêu tại các Mục I, Mục II, Mục III và Mục IV nêu trên.

VI. Lỗi trong khai, làm thủ tục hải quan

1. Đã từng nợ thuế quá hạn.
2. Đã từng bị cưỡng chế thuế.
3. Bị ấn định thuế.
4. Lỗi trong khai hải quan bị lập biên bản chứng nhận, không xử phạt vi phạm.
5. Hủy tờ khai hải quan.
6. Khai bổ sung hồ sơ hải quan thuộc trường hợp không bị xử phạt vi phạm hành chính
7. Chậm nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành nhưng không bị xử phạt vi phạm hành chính.
8. Nộp báo cáo quyết toán quá thời hạn quy định.